

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

- T ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An - T ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quang Thị N, sinh năm 1993; địa chỉ Ấp X, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Trung K, sinh năm 1993; địa chỉ ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Quang Thị N trình bày: Chị Quang Thị N và anh Lê Trung K sống chung vào khoảng năm 2013, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó, anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc, hiện tại anh chị không còn sống chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị cũng không thể hàn gắn lại được và chị N cũng không còn tình cảm gì với anh K nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Trung K.

Về con chung: Chị N và anh K có 02 người con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015 và Lê Triệu Anh T, sinh ngày 18/12/2020, từ nhỏ đến nay cháu K và cháu T đều do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi các con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 người con theo quy định của pháp luật.

Hiện tại chị N đang làm công nhân trong Công ty KenPhon tại Đồng Nai thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Còn anh K cũng làm công nhân tại Công ty ở Đồng Nai thu nhập khoảng 16.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh K tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai. Khi ly hôn chị N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Trung K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh K vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, T ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quang Thị N đối với anh Lê Trung K; về con chung: Giao các con chung Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015 và Lê Triệu Anh T, sinh ngày 18/12/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại các con đang sống với chị N nên giữ nguyên. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 745.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con anh K phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Quang Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Trung K và yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung. Bị đơn anh Lê Trung K, cư trú tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Quang Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận, anh Lê Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh K.

[4]. Về nội dung: Chị Quang Thị N và anh Lê Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/6/2013. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Quang Thị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Trung K. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Tổng xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hàn gắn được. Căn cứ Biên bản về việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị Quang Thị N và anh Lê Trung K ngày 18/4/2022, đại diện Ban nhân dân ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định quá trình chung sống giữa chị N và anh Kien hay cự cãi, do bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

[6]. Mục đích hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị N và anh K phát sinh mâu thuẫn, Tổng xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại chị N và anh K không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K.

[7]. Về con chung: Chị Quang Thị N và anh Lê Trung K có hai người con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015 và Lê Triệu Anh T, sinh ngày 18/12/2020, các con hiện tại đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 người con theo quy định của pháp luật. Căn cứ Biên bản ghi ý kiến của cháu Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015, có sự chứng kiến của chị N thể hiện cháu K có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị N. Đồng thời, từ trước đến nay cháu K và cháu T đều sống cùng với chị N, để tránh làm xáo trộn cuộc sống các cháu, cần giao cháu K và cháu T cho chị N tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Buộc anh Lê Trung K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai người con chung cháu Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015 và Lê Triệu Anh T, sinh ngày 18/12/2020, mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi.

[8]. Về tài sản chung và nợ: Chị Quang Thị N xác định, chị N và anh K tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai. Khi ly hôn chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Quang Thị N phải chịu 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Trung K phải chịu 300.000 đồng.

[10]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 và khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quang Thị N đối với anh Lê Trung K.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015 và Lê Triệu Anh T, sinh ngày 18/12/2020 cho chị Quang Thị N tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Trung K có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Lê Trung K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con tên Lê Đăng K, sinh ngày 21/8/2015 và Lê Triệu Anh T, sinh ngày 18/12/2020, mức cấp dưỡng là 750.000 đồng/tháng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay khi có đơn yêu cầu của chị Quang Thị N.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị Quang Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002233 ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Trung K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Quang Thị N và anh Lê Trung K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Giàu